

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI  
VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN  
**BỘ MÔN KẾ TOÁN**

-----\*\*\*-----

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**Ngành: Kiểm toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần:
  - + Tiếng Việt: Nguyên lý kế toán
  - + Tiếng Anh: Theory of Accounting
- Mã học phần: DKT.01.20
- Đối tượng học: Sinh viên ĐHCQ ngành Kiểm toán.
- Số tín chỉ: 3
- Vị trí của học phần trong CTĐT<sup>[2]</sup>

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết<sup>[3]</sup>: Nguyên lý thống kê (DCB.02.06)
- Học phần học trước<sup>[4]</sup>: Không
- Học phần song hành<sup>[5]</sup>: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động<sup>[6]</sup>: [150 giờ]
  - + Nghe giảng lý thuyết: 28 giờ (28 giờ)
  - + Bài tập: 12 giờ (12 giờ)
  - + Thực hành: 3 giờ (1.5 giờ)
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 giờ (1.5 giờ)
  - + Kiểm tra: 2 giờ (2 giờ)
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm<sup>[7]</sup>): 102 giờ (102 giờ)
- Viện/Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Viện Kế toán – Kiểm toán, Bộ môn Kế toán
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
  - 1) Họ và tên: ThS. Quách Thị Thu Hằng  
Chức danh: Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT: 0978817794 ; Email: quachhang177@gmail.com
  - 2) Họ và tên: ThS. Vũ Thị Thanh Ngọc  
Chức danh: Giảng viên  
Thông tin liên hệ: ĐT: 0919980598 ; Email: [ngocvt8@gmail.com](mailto:ngocvt8@gmail.com)

## 2. Mô tả học phần:

Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Kiểm toán. Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về kế toán, các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính, phương pháp kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán, hệ thống pháp lý kế toán, tổ chức công tác kế toán. Qua đó, giúp người học vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học kế toán trong 1 loại hình đơn vị cụ thể - doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; áp dụng hiệu quả kiến thức về kế toán để thu nhận thông tin, xử lý thông tin và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị.

## 3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần <sup>[9]</sup>	Mô tả mục tiêu học phần <sup>[10]</sup> Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	<b>Vận dụng</b> các kiến thức đã học để nắm được bản chất chức năng và đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ của kế toán, hệ thống các phương pháp kế toán, xử lý (định khoản) các nghiệp vụ kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu để ghi sổ sách kế toán.
CSO 2.1	<b>Thể hiện</b> kỹ năng thu nhận, xử lý, hệ thống hóa, lập báo cáo (dạng cơ bản) và phân tích khái quát hoạt động kinh tế tài chính của một đơn vị, kỹ năng định khoản và ghi chép vào tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của các quá trình kinh doanh chủ yếu. Ghi được các nghiệp vụ phát sinh vào sổ kế toán (sổ Cái, sổ NKC) theo các hình thức kế toán phù hợp.
CSO 3.1	<b>Thể hiện</b> năng lực tự chủ, tự định hướng, nhận thức rõ nguyên tắc kế toán, có thái độ học tập nghiêm túc và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến môn học.

## 4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần <sup>[9]</sup>	CDR học phần <sup>[11]</sup>	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <sup>[12]</sup> <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT <sup>[13]</sup>	Mức độ <sup>[14]</sup>
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Xác định được các nội dung cơ bản, lý luận nền tảng về khoa học kế toán.	PLO1.2	2
	CLO 1.2	Diễn giải được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán, hệ thống các phương pháp kế toán, mô tả được quy trình lập chứng từ, mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, chữa sổ kế toán; hình dung được hệ thống pháp lý	PLO 1.2	2

Mục tiêu học phần <sup>[9]</sup>	CDR học phần <sup>[11]</sup>	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <sup>[12]</sup> <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT <sup>[13]</sup>	Mức độ <sup>[14]</sup>
<i>CDR về kiến thức:</i>				
		kế toán và tổ chức công tác kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.		
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	Kết hợp được các phương pháp kế toán để hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh thương mại và các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh cơ bản trong doanh nghiệp.	PLO 2.2	2
	CLO 2.2	Chỉ ra được mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán trên báo cáo tài chính, mối liên hệ giữa các phương pháp kế toán với quy trình kế toán và sự khác nhau trong hệ thống các hình thức kế toán tại các doanh nghiệp.	PLO 2.2	2
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Lĩnh hội được, liên kết được kiến thức qua các chương, liên kết các phần học để trở thành 1 khối kiến thức thống nhất phục vụ mục đích chung ban đầu.	PLO3.2	2
	CLO 3.2	Thể hiện được ý thức trách nhiệm tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác trong công việc và thái độ phục vụ cộng đồng	PLO 3.1	2

*Mức độ đóng góp:*

1: Introduce (Giới thiệu) 2: Reinforce (Củng cố)

3: Master (Thành thạo)

## 5. Học liệu:

### 5.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. GS.TS Đoàn Xuân Tiên, TS. Lê Văn Liên, Th.S Nguyễn Thị Hồng Vân, Giáo trình Nguyên lý Kế toán, Học viện Tài chính, NXB Tài chính, năm 2014.

[2] TS. Nguyễn Vũ Việt, Th.S Nguyễn Thị Hồng Vân, Bài tập Nguyên lý Kế toán, Học viện Tài chính, NXB Tài chính, năm 2014.

[3] Slide bài giảng của Giảng viên.

### 5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình Nguyên lý kế toán : Đại học Kinh tế quốc dân , Đại học kinh tế Hồ Chí Minh

[2] Đặng Kim Cương, Nguyên lý Kế toán Mỹ, NXB Thống kê.

## 6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

x	Thuyết trình	x	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Công trình nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đồ án
x	Phát vấn	x	Thuyết giảng	x	Tình huống	<input type="checkbox"/>	Tham quan thực tế
x	Giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/>	Phương pháp khác				

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp ( tiết)				Tự học ( tiết)	CDR HP	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT (tiết)	BT (tiết)	TLN, TH (tiết)	KT (tiết)				
Bài 1	Chương 1. Tổng quan chung về kế toán 1.1 – Sự hình thành và phát triển của kế toán 1.2 – Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán	3				0	CLO 1.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình
Bài 2	Chương 1. 1.3 – Đối tượng sử dụng thông tin kế toán 1.4 và mục 1.5 (giảng khái quát)	2		1		2	CLO 1.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình, tài liệu, slide bài giảng Sinh viên tự nghiên cứu
Bài 3	Chương 2: Các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính. 2.1 (giảng khái quát) 2.2- Các yếu tố của BCTC	2		1		2	CLO 2.1 CLO 2.2	Thuyết giảng, Tình huống	SV đọc trước giáo trình, tài liệu, slide bài giảng.

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp ( tiết)				Tự học ( tiết)	CDR HP	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT (tiết)	BT (tiết)	TLN, TH (tiết)	KT (tiết)				
Bài 4	Chương 2. 2.3 - Ảnh hưởng của các nghiệp vụ KTTC đến các yếu tố của BCTC	2	1			5	CLO 2.1 CLO 2.2	Tình huống, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà
Bài 5	Chương 3. Các phương pháp kế toán 3.1. Hệ thống các phương pháp kế toán 3.2. Phương pháp chứng từ kế toán 3.3. Phương pháp tính giá	1	1	1		5	CLO 2.1 CLO 2.2	Thuyết trình Phát vấn Làm việc nhóm	SV đọc trước giáo trình, tài liệu, slide bài giảng.
Bài 6	Chữa bài tập Kiểm tra định kỳ		2		1	5	CLO 2.2 CLO 3.1	Phát vấn Giải quyết vấn đề	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà
Bài 7	Chương 3. 3.4 – Phương pháp tài khoản kế toán	2		1		8	CLO 1.2 CLO 2.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình, tài liệu, slide bài giảng.
Bài 8	Chương 3. 3.4 – Phương pháp tài khoản kế toán (tiếp)	2	1			8	CLO 2.1 CLO 2.2	Thuyết trình Tình huống	SV đọc trước giáo trình, tài liệu, slide bài giảng.
Bài 9	Chương 3. 3.5 – Phương pháp tổng hợp	2		1		5	CLO 1.2 CLO	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình SV chuẩn bị

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp ( tiết)				Tự học ( tiết)	CDR HP	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT (tiết)	BT (tiết)	TLN, TH (tiết)	KT (tiết)				
	cân đối kế toán						2.1	Phát vấn	trước bài tập ở nhà
Bài 10	Chương 3. 3.6 – Vận dụng hệ thống các PPKT để hạch toán kế toán các quá trình SXKD Giao đề tài thảo luận theo nhóm	2	1			10	CLO 2.2	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình
Bài 11	Chữa bài tập Kiểm tra định kỳ		2		1	5	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO 3.2	Phát vấn Làm việc nhóm	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Bài 12	Chương 4. Sổ kế toán và hình thức kế toán. 4.1 Sổ kế toán	2	1			5	CLO 1.1 CLO 2.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 13	Chương 4. 4.2 – Hình thức kế toán	2		1		5	CLO 2.2	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 14	Chữa bài tập Thảo luận theo nhóm		2	1		5	CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 2.1 CLO	Phát vấn Làm việc nhóm	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập Sinh viên thuyết

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp ( tiết)				Tự học ( tiết)	CDR HP	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT (tiết)	BT (tiết)	TLN, TH (tiết)	KT (tiết)				
							2.2		trình theo nhóm.
Bài 15	Chương 5. Hệ thống pháp lý kế toán 5.1 ; 5.2 ; 5.3 ; 5.4 (giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu)	3				5	CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV tự nghiên cứu
Bài 16	Chương 6. Tổ chức công tác kế toán 6.1 ; 6.2 ; 6.3 (giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu) Tổng kết học phần	3				5	CLO 1.1 CLO 3.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị các nội dung cần giải đáp.
	<b>Tổng số tiết</b>	<b>28</b>	<b>12</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>102</b>			
	<b>Tổng tiết chuẩn</b>	<b>28</b>	<b>12</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>102</b>			

## 8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
  - +/ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
  - +/ Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần

## 9. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

### 9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

## 9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	
Bài kiểm tra số 1- 50 phút giữa kỳ	30	Trắc nghiệm tự luận và Tự luận	Theo thang điểm đề kiểm tra	CLO1.1, CLO1.2, CLO 2.1	40% 40% 20%
Bài kiểm tra số 2 - 50p giữa kỳ		Tự luận	Theo thang điểm đề kiểm tra	CLO1.1, CLO1.2, CLO 2.1	40% 40% 20%
Bài kiểm tra số 3 – (Bài đánh giá tổng hợp kết quả làm Bài tập nhóm)		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.	Rubric	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1,	10% 20% 20% 30% 20%
Bài thi hết học phần	60	Tự luận	Theo thang điểm đề thi	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	20% 50% 30%

## 9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

### 9.3.1 Các Rubric đánh giá bài tập nhóm

\* **Phương pháp đánh giá:** PP đánh giá thuyết trình, làm việc nhóm

\* **Công cụ đánh giá:** Bảng kiểm, rubrics, bài thuyết trình (sản phẩm của nhóm)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		Giỏi	Khá	Trung bình	TB yếu	Kém
		8,5 - 10	7 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	< 4,0
<b>1. Hình thức báo cáo</b>	10%	Bố cục hợp lý, đúng quy cách trình chiếu, logic	Bố cục khá hợp lý, rõ, đúng quy cách trình chiếu, khá	Bố cục khá hợp lý, rõ, chưa đúng quy cách trình chiếu	Bố cục thiếu hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cầu thả, đơn điệu



			logic			
<b>2. Nội dung báo cáo</b>	40%	Trình bày $\geq$ 85% nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, 70% - < 85% tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày 55% - < 70% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày trên 40% - < 55% tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết
<b>3. Kỹ năng trình bày</b>	20%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, thuyết phục nhưng ít giao lưu người nghe	Nói rõ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe
<b>4. Trả lời câu hỏi</b>	10%	Trả lời được $\geq$ 85% các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70% đến < 85% câu hỏi	Trả lời được trên 55% đến < 70% câu hỏi	Trả lời được 40% - < 55% câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào
<b>5. Làm việc nhóm (sự đóng góp của các thành viên)</b>	20%	Có phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phân chia các phần báo cáo giữa các thành viên. Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng.	Có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có một số thành viên báo cáo và chưa phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Có sự phân công công việc chuẩn bị khá rõ cho báo cáo nhưng chỉ có một thành viên báo cáo	Chỉ một thành viên báo cáo

### 9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng					Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	4,0-0,0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90%	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết	Tham dự trên lớp dưới 80%	

		số tiết học	tiết học	tiết học	học	số tiết học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	

### 9.3.3. Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.</li> <li>– Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic.</li> <li>– Còn vài lỗi chính tả.</li> </ul>	Mức A	85, - 10
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trả lời đúng 70-80% câu hỏi</li> <li>– Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>– Mắc 1 lỗi về định khoản kế toán, hoặc phản ánh sơ đồ TK còn 1,2 lỗi, hoặc lập bảng còn sai sót nhỏ</li> <li>– Có khá nhiều lỗi chính tả.</li> </ul>	Mức B	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trả lời đúng 50-60% câu hỏi</li> <li>– Trình bày không rõ ý, chưa logic.</li> <li>– Mắc 2 lỗi về định khoản kế toán, hoặc phản ánh sơ đồ TK còn 2,3 lỗi, hoặc lập bảng còn sai sót</li> <li>– Nhiều lỗi chính tả.</li> </ul>	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trả lời đúng 40-50% câu hỏi.</li> <li>– Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%.</li> <li>– Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.</li> <li>– Mắc nhiều lỗi</li> <li>– Nhiều lỗi chính tả.</li> </ul>	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Các trường hợp còn lại</li> </ul>	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

### 9.3.4. Các Rubric đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
– Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu của Bài tập lớn	Mức A	8,5 – 10

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học</li> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>- Trả lời được tất cả các câu hỏi của Giảng viên</li> </ul>	(Vượt quá mong đợi)	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ yêu cầu của Bài tập lớn</li> <li>- Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học</li> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>- Trả lời đúng 70-80% câu hỏi của GV.</li> </ul>	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện hầu hết yêu cầu của Bài tập lớn</li> <li>- Cấu trúc Báo cáo chưa thật phù hợp</li> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng.</li> <li>- Trả lời đúng 50-60% câu hỏi của GV.</li> </ul>	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được ít yêu cầu của Bài tập lớn</li> <li>- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng, chưa hiểu hết các nhiệm vụ được giao.</li> <li>- Trả lời đúng 30-40% câu hỏi của GV.</li> </ul>	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trường hợp còn lại</li> </ul>	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2022

**Viện trưởng**



**TS. Hoàng Văn Tường**

**Trưởng bộ môn**



**TS. Trần Văn Dung**

**Người soạn đề cương**



**Th.S Quách Thị Thu Hằng**

